

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO**Ở DINH QUẢNG NAM THỜI CHÚA NGUYỄN (1602 - 1775)**

Nhận bài:

20 – 07 – 2017

Chấp nhận đăng:

25 – 09 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>Lê Thị Huyền^{a*}, Nguyễn Duy Phương^b

Tóm tắt: Biển đảo và việc thực thi quyền chủ quyền biển đảo luôn là vấn đề sống còn của mỗi quốc gia giáp biển. Đối với Việt Nam, đất nước trải dài theo đường biển hơn 3260km và hàng loạt đảo, quần đảo ngoài khơi, việc xác lập và thực thi chủ quyền luôn được chính quyền nhà nước các thời kì đặt lên hàng đầu. Quá trình xác lập và thực hiện các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo ở vùng biển Nam Trung Bộ Việt Nam dưới thời kì quân chủ (tức vùng biển dinh Quảng Nam) được thực hiện sớm nhất ở thời chúa Nguyễn với hàng loạt các hoạt động khai thác kinh tế; kiểm soát tàu thuyền ra vào giao thương; cứu hộ, cứu nạn; chống ngoại xâm. Thông qua những hoạt động của chính quyền chúa Nguyễn và nhân dân Đàng Trong, chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được xác lập từ thời chúa Nguyễn (1602 - 1775).

Từ khóa: chúa Nguyễn; chủ quyền; biển đảo; Hoàng Sa; Trường Sa.

1. Đặt vấn đề

Dinh Quảng Nam thời chúa Nguyễn bao gồm phần đất từ nam đèo Hải Vân đến Bình Định, Phú Yên ngày nay. Đường bờ biển khu vực này dài khoảng 607 km² với nhiều cửa biển sâu, thuận lợi cho tàu trọng tải lớn cập cảng¹... Phía ngoài khơi dinh Quảng Nam còn có các đảo lớn giữ vị trí tiền cảng như Cù Lao Chàm (Hội An), Cù Lao Ré (Lý Sơn - Quảng Ngãi), Cù Lao Xanh (Bình Định), đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa giữ vị trí bình phong, hợp thành phòng tuyến bảo vệ, kiểm soát và làm chủ vùng biển quốc gia ở biển Đông.

Để tạo thế và lực cát cứ phương Nam lâu dài đối trọng với Đàng Ngoài, chúa Nguyễn đã nhanh chóng nhận ra lợi thế của dinh Quảng Nam ở cả lục địa lẫn hải đảo. Biển đảo dinh Quảng Nam giàu tài nguyên thủy hải sản, giàu khoáng sản, chiếm giữ vị trí quân sự chính trị kinh tế quan trọng trong thời điểm giao thương hàng hải giữa Âu - Á đang ngày càng phát triển. Tàu thuyền từ

Đông sang Tây, từ châu Âu sang châu Á, từ Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương, từ Châu Úc lên Đông Á đều phải đi qua khu vực biển dinh Quảng Nam, đặc biệt là hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Các chúa Nguyễn từ rất sớm đã nhận thức được vị trí quan trọng của vùng biển đảo dinh Quảng Nam nên đã có nhiều hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo ở khu vực này.

¹Cảng cửa Hàn (Đà Nẵng), cửa Đại (Hội An), cửa Bàn Than (Núi Thành), cửa Sa Kỳ (Quảng Ngãi), Thị Nại - Nước Mặn (Quy Nhơn - Bình Định)

2. Giải quyết vấn đề**2.1. Hoạt động tuần tra, kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn**

Biển đảo dinh Quảng Nam không chỉ là nơi cung cấp nguồn hải sản, hải vật để phát triển đời sống nhân dân, cung cấp nguồn thu cho chính quyền mà còn là cửa ngõ bao la ở phía Đông lãnh thổ ảnh hưởng đến vận mệnh của xứ sở. Bấy giờ, chính quyền Đàng Trong

^aTrường THPT chuyên Lê Quý Đôn, TP. Đà Nẵng

^bTrường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

* Liên hệ tác giả

Lê Thị Huyền

Email: nanale2504@gmail.com

thường xuyên đối mặt với nhiều thế lực như quân Trịnh ở Đàng Ngoài từ phương Bắc xuống; quân Xiêm ở phía Nam lên, các tàu thuyền của phương Tây ở phía Đông đến. Bảo vệ chủ quyền biển đảo đã trở thành vấn đề sống còn của xứ Đàng Trong. Bởi biển đảo chính là nhân tố đầu tiên và cực kì quan trọng để chúa phát triển ngoại thương, tạo nguồn lực để chiến tranh với quân Trịnh và mở rộng lãnh thổ về phương Nam. Do đó, cùng với việc khai thác nguồn lợi từ biển đảo, chúa Nguyễn rất chú ý đến các hoạt động tuần tra, kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn.

Trong suốt thời gian trị vì, chúa Nguyễn luôn bố trí các lực lượng thám sát, tuần tra trên biển và duy trì hoạt động của lực lượng này. Họ là những người dân thường vùng ven biển được phép ra khơi khai thác các hải vật hay người dân ở các làng trên các đảo gần bờ (dân trên đảo cù lao Chàm, dân làng An Vĩnh...) đồng thời họ thực hiện nhiệm vụ thám báo cho chính quyền khi có các tàu buôn vào bến hay khi có sự tranh chấp xảy ra trên vùng biển. *Phủ biên tạp lục* đã ghi lại hoạt động của lực lượng này: “*họ Nguyễn đặt các xã Minh Hương, Hội An, Cù Lao Chiêm, Cẩm Tú, làng Câu giữ việc thám báo và dưới sự điều khiển của tuần ty, nhà nước đặt dân làng phụ lũy làm nhiệm vụ hộ tống cho tàu nước ngoài lúc vào cũng như lúc ra khỏi cảng*” [2, tr.232].

Quan trọng nhất, chúa Nguyễn đã lập đội Hoàng Sa, sau lập thêm đội Bắc Hải để bảo vệ chủ quyền Tổ quốc. Đội Hoàng Sa có nhiệm vụ chính là tuần biển ở khu vực Quảng Nam dinh và thám báo những điều bất trắc có thể xảy ra về đất liền, nhiệm vụ khai thác biển đảo chỉ là phụ trợ. Bởi, kết quả khai thác kinh tế của đội Hoàng Sa mang lại hiệu quả không cao. Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* đã viết: “...*Hải vật thu lượm được nhiều ít không nhất định, cũng có lần ra đi mà trở về tay không. Ta đã xem sổ của cai đội cũ là Thuyền Đức Hầu biên rằng: năm Nhâm Ngọ (1702) lượm được 30 hốt bạc, năm Giáp Thân (1704) được 5.100 cân thiếc; năm Ất Dậu (1705) được 126 hốt bạc; từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quý Tỵ (1713), 5 năm ấy mỗi năm chỉ được mấy tấm đồi mồi, hải ba. Cũng có năm được khối thiếc, bát sứ và 2 khẩu súng đồng mà thôi*” [2, tr.155]. Vậy thì trong thời điểm đang cần nguồn lực kinh tế để Đàng Trong vững mạnh và đối chọi với Đàng Ngoài thời bấy giờ, mục đích của chúa Nguyễn thành lập đội Hoàng Sa phải chăng chỉ để mang lại vài nguồn thu ít ỏi đó? Thiết nghĩ chắc chắn không. Làm kinh tế đã có các thương cảng

ven bờ biển phụ trách. Đội Hoàng Sa được chúa Nguyễn thành lập với mục đích cao cả hơn: đó là bảo vệ lãnh thổ chủ quyền của Tổ quốc. Tờ đơn xin chấn chỉnh lại đội Hoàng Sa của phường An Vĩnh, cù lao Ré được nhắc ở trên đã nói rất rõ: “*Bây giờ chúng tôi lập hai đội Hoàng Sa và Quế Hương như cũ gồm thêm dân ngoại tịch, được bao nhiêu xin làm sổ sách dâng nạp, vượt thuyền ra các cù lao ngoài biển tìm nhặt các hạng đồng, thiếc, hải ba, đồi mồi được bao nhiêu dâng nạp. Nếu như có truyền báo xảy ra chinh chiến, chúng tôi xin vâng lòng ứng chiến với kẻ xâm phạm, xong việc rồi chúng tôi lại xin tờ sai ra tìm nhặt bảo vật cùng thuế quan đem phụng nạp, xin dốc lòng làm theo sở nguyện chẳng dám kêu ca...*” [3, tr.87].

Phạm vi hoạt động của đội Hoàng Sa lúc đầu theo nguyên tắc là vùng hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Sau một thời gian thực hiện, nhận thấy đội Hoàng Sa dù có cố gắng đến mấy thì cũng không thể nào bao quát hết được toàn bộ các vùng biển đảo giữa Biển Đông, nên chúa Nguyễn đã quyết định lập thêm đội Bắc Hải. Lê Quý Đôn cho biết: “*Họ Nguyễn lại đặt đội Bắc Hải, không định bao nhiêu suất, hoặc người thôn Tứ Chính ở Bình Thuận, hoặc người xã Cảnh Dương, ai tình nguyện đi thì cấp giấy sai đi, miễn cho tiền sưu cùng các tiền tuần dò, cho đi thuyền câu nhỏ ra các xứ Bắc Hải, cù lao Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên, tìm lượm vật của tàu và các thứ đồi mồi, hải ba, bào ngư, hải sâm, cũng sai Cai đội Hoàng Sa kiêm quản. Chẳng qua là lấy các thứ hải vật, còn vàng bạc của quý ít khi lấy được*” [2, tr.155]. Địa bàn hoạt động tương đương với khu vực quần đảo Trường Sa, tuy hoạt động độc lập nhưng về nguyên tắc đội Bắc Hải vẫn do đội Hoàng Sa kiêm quản. Li Tana trong *Xứ Đàng Trong* cũng cho biết: “*Các cuộc đụng độ giữa người Hà Lan và chúa Nguyễn vào thập niên 1640 cho thấy chúa Nguyễn có một hệ thống truyền tin được tổ chức khá tốt. Về phía biển, họ nhận được báo cáo đều đặn từ một đội đặc biệt gọi là tuần hải*” [10, tr.82].

Thực hiện quyền chủ quyền của mình với vùng biển, chúa Nguyễn đã quan tâm giải quyết các vụ tranh chấp và cứu hộ các tàu bị đắm của nước ngoài hay cho phép họ cư trú tránh bão tại các cửa biển, đảo thuộc quyền quản lí của chúa. Sách sử đã ghi lại sự kiện tàu Hà Lan là Grootenbrook bị đắm ở Paracels (Hoàng Sa), đoàn thủy thủ được người Việt cứu thoát; sự kiện năm 1714, một tàu Hà Lan gặp bão và bị đắm ở vùng biển Hoàng Sa. Một số thủy thủ trên thuyền bơi thoát được

vào quần đảo này và đóng bè bơi vào đất liền. Họ đã được chúa Nguyễn tiếp đãi và tìm cách đưa về căn cứ Hà Lan ở Batavia. “Chúa Nguyễn đã ban cho những người Hà Lan 50 quan tiền, 12 bao gạo, 20 chĩnh nước mắm” rồi “đưa người Hà Lan trở về Hội An để tìm một chiếc tàu” [13, tr.268]. Phan Khoang trong *Việt sử xứ Đàng Trong* cũng đã dịch lại bản thuyết trình của tác giả khuyết danh viết vào khoảng năm 1690 - 1700 đăng trong *Lettres Edifiantes et curieuses*: “...Không nơi nào mà tàu bị đắm được đối xử tử tế như ở Đàng Trong... Người ta cho thuyền ra cứu vớt thủy thủ, bỏ lưới xuống biển tìm vớt hàng hóa, và không quản gì khó nhọc, chăm lo sửa chữa cho chiếc tàu” [3, tr.452]. *Phủ biên tạp lục* ghi: “Thuyền gặp gió bão bị phá hỏng, thì xét xem số khách, cai bạ giao cho hội quán trông giữ, cấp phát tiền nhà nước, lương tháng mỗi người 5 tiền, đợi khi thuận gió thì cho phụ theo các thuyền mà về nước Đường (bấy giờ người các tàu gọi Trung Quốc là Đường, cũng như người Phiên nhưng gọi Trung Quốc là Hán), hoặc ở xứ khác thì tùy quan ty sở tại cho về quê quán” [2, tr.294].

Cù lao Chàm, tiền cảng của Hội An, cũng là nơi thường xuyên cứu hộ các tàu nước ngoài vào trú bão. Năm 1687, một tàu vận chuyển ngựa cồng của Lý Thượng Toàn, mục sứ của đảo Tế Châu (Triều Tiên), trên đường đi gặp gió bão nên trôi dạt vào cù lao Chàm. Trong số những người được cứu có Kim Thái Hoàng. Những người này được cư dân cù lao Chàm giúp đỡ hết sức tận tình. Sau đó, họ được chính quyền Đàng Trong nhờ thương thuyền của phủ Ninh Ba (Nhà Thanh - Trung Quốc) đưa về nước [12, tr.297]. Thích Đại Sán, một nhà sư Trung Quốc được chúa Nguyễn Phúc Chu mời đến Đàng Trong thế kỷ XVII cũng đến cù lao Chàm tránh bão và miêu tả cụ thể cuộc sống người dân trên đảo trong tập bút kí của mình [7, tr.162].

Có thể khẳng định rằng, hoạt động tuần tra, kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn kịp thời và có hiệu quả của lực lượng thủy quân, đội Hoàng Sa, Bắc Hải, cơ quan tàu ty, và lực lượng ngư dân, nhân dân ven biển đã thể hiện rõ chủ quyền của Đàng Trong ở vùng biển đảo dinh Quảng Nam.

2.2. Khai thác nguồn lợi từ biển, đảo

Vùng biển đảo dinh Quảng Nam rất giàu hải sản là yếu tố thiên nhiên hết sức thuận lợi cho cuộc sống định cư của nhân dân. Vì vậy, khi trấn thủ vùng đất này, tiếp nối truyền thống biển của cư dân bản địa Chăm, chúa

Nguyễn đã “mở” cho di dân Việt vào khai thác, lập làng ven biển, kết hợp truyền thống biển của người bản xứ và truyền thống thạo sông nước của cư dân Việt để làm giàu cho vùng đất Đàng Trong.

Để phục vụ cuộc sống hàng ngày, cư dân dinh Quảng Nam đã khai thác các sinh vật biển như tôm, cua, cá, mực... là những hải sản có rất nhiều tại các vùng biển. Nghề khai thác thủy hải sản có ở hầu hết các làng ven sông, dọc biển. Cristophoro Borri đã viết “*Là người đi khắp các biển và đã đi qua các nước hình như tôi không tìm thấy ở đâu nghề cá và cá có thể so sánh được với Đàng Trong... Người Đàng Trong thích ăn cá hơn ăn thịt vì vậy họ mãi mê đánh cá*” [1, tr.28]. “*Nghề nông là gốc nhưng dọc theo bờ biển nhân dân cũng sống về nghề chài lưới. Đánh cá, làm mắm, đem lại những nguồn lợi lớn cho các miền duyên hải. Biển Quảng Nam dinh còn có đồi mồi, xà cừ, các đảo trong biển có yến sào*” [3, tr.479].

Nguồn lợi từ hải sản không chỉ đảm bảo cho cuộc sống của cư dân ven biển mà nó còn lại nguồn lợi của chính quyền. Vì thế, ở vùng biển, nhân dân cũng như chính quyền đều tập trung nhân lực và thuyền bè để khai thác các nguồn hải sản. Hàng năm thu hoạch được một sản lượng tôm cá rất lớn. Lượng hải sản dư ra được sử dụng làm nguồn hàng hóa trao đổi tại các chợ. Người dân còn làm các chế phẩm từ các loại hải sản như nước mắm, mắm ruốc, mắm nêm, mắm tôm, mắm cá giò... và xuất khẩu các mặt hàng này. Đặc biệt, nước mắm là một hải sản được pha chế từ cá cơm dùng làm thực phẩm cho nhân dân toàn quốc có giá trị kinh tế lớn. Hai cơ sở sản xuất nước mắm lớn ở Nam Ô (Quảng Nam) và Phan Thiết (Bình Thuận) nổi tiếng cả khu vực Nam Trung Hoa đương thời. Người dân còn phơi khô cá, tôm, bóng cá... để bảo quản được lâu và mang đi trao đổi khắp các miền trong nước cũng như làm hàng hóa buôn bán với các thuyền buôn nước ngoài. Li Tana trong *Xứ Đàng Trong*, phân các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu, đã viết: “*Một mặt hàng khác quen thuộc với người Hoa là cá khô. Ở Đàng Trong, giá cá khô còn thấp hơn đường*” [10, tr.139].

Vùng ven biển trấn Thuận Hóa có nhiều hộ làm muối. Riêng ở Quảng Nam là nơi tập trung hàng hóa buôn bán lớn nhất của Đàng Trong, muối trở thành mặt hàng kinh doanh. Ở Thuận Hóa, chúa Nguyễn đánh thuế các hộ làm muối, nhưng ở Quảng Nam, chúa Nguyễn thu thuế những người bán muối. *Phủ biên tạp lục* ghi

rằng: “Còn như chỗ không có ruộng muối, khách hộ quen mua muối ở Quảng Nam, thì chiếu số người mà thu thuế, thay tiền sai dư, gọi là thuế diêm đình, hạng quân, hạng nhất mỗi người nộp thuế 6 sọt, hạng nhì thì mỗi người 4 sọt, hạng 3 mỗi người 3 sọt, hạng lão và con cháu quan viên mỗi người 3 sọt, nhiều phu, lính ngoại, viên mục, tướng thân, xã trưởng, lão nhiều, cùng đảo đều miễn” [2, tr.287].

Việc đánh thuế ngư dân, diêm dân đã chứng minh chính quyền chúa Nguyễn đã quản lí khá tốt nguồn lợi thu được từ các vùng biển. Đây chính là việc làm thể hiện được chủ quyền của mình với nguồn lợi này. Nguồn thuế này đã đóng góp đáng kể nhu cầu sinh hoạt của phủ chúa, của gia đình các quan viên. Đồng thời, việc ngư dân khai thác hải sản tại các vùng biển cũng nhằm bảo vệ an ninh cho quốc gia. Họ chính là tai mắt của chính quyền, giữ vai trò thám báo những vấn đề phát sinh ngoài biển khơi.

Vùng biển đảo các phủ thuộc dinh Quảng Nam có nhiều sản vật, đặc biệt là yến sào và đồi mồi. Đây là nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng rất cao và giá tiền rất đắt, chỉ những nhà quyền quý mới có thể sử dụng. Đây còn là mặt hàng xuất khẩu rất được thương nhân nước ngoài ưa chuộng. *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn ghi lại: “*Phủ Thăng Hoa, huyện Hà Đông, xã Thanh Châu có nghề lấy yến sào, dân xã ấy tản cư ở các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Gia Định, hàng năm cứ đến tháng 2 phải nộp tổ non mới 120 tổ, người áp thu lĩnh tờ thị, sửa sang thuyền, đi đến các phủ để thu thuế, tháng 7 mang về trình nộp sổ tiêu sai, thực nộp là bao nhiêu người, tùy từng hạng mà tính thu, hạng tráng mỗi người nộp 2 cân yến sào, nếu không có thì nộp thay bằng tiền 2 quan, hạng dân mỗi người nộp 1 cân 8 lạng, hạng lão và hạng đình mỗi người nộp 1 cân; còn cả xã lại nộp lễ Thường Tân, Chính Đán 1500 tổ. Năm Mậu Tý, thuế yến sào nộp thay bằng tiền là 773 quan 1 tiền 30 đồng*” [2, tr.290].

“*Trong các vịnh biển ở cù lao Chàm có nhiều đồi mồi. Với các nước phương Đông, đồi mồi được dùng làm thuốc, nên người ta mua làm dược liệu chế thuốc chữa một số bệnh như chống kinh giãn, mê sảng, chữa ung nhọt, sưng tấy và nốt đậu mùa đen... Thương nhân phương Tây lại mua để làm đồ trang trí. Xà cừ cũng được khai thác nhiều nhất ở bán đảo Sơn Trà, cù lao Chàm đến Hoàng Sa. Họ Nguyễn thu thuế, lấy xà cừ để*

làm đồ trang sức và đây cũng là sản phẩm trao đổi với thương nhân ngoại quốc” [11, tr.37].

Từ sự giàu có về hải sản, hải vật của vùng biển đảo dinh Quảng Nam, chính quyền chúa Nguyễn đã trực tiếp cử đội Hoàng Sa, Bắc Hải khai thác hoặc để nhân dân khai thác và đánh thuế. “*Trước, họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng Giêng nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy. Thuyền dừng ở đáy tha hồ bắt chim bắt cá mà ăn. Lại lấy được đồ vật của tàu thuyền (bị đắm) như tiền Hà Lan, hoa bạc, tiền bạc, vòng bạc, đồ đồng, khối thiếc, khối chì, súng ống, gà voi, sập ong, đồ sứ, đồ chiếu. Lại thu lượm cả mai đồi mồi, mai ba ba biển, hải sâm, hột ốc vân rất nhiều. Đến kì tháng 8 thì về, vào cửa Eo, đến thành Phú Xuân để nộp, cân và định hạng xong, mới cho đem bán riêng các thứ ốc vân, hải ba, hải sâm rồi lĩnh bằng trở về...*” [8, tr.78-79].

Bên cạnh các đội khai thác nguồn lợi kinh tế từ biển đảo, chính cuộc sống hàng ngày của người Việt trên các đảo gần bờ như cù lao Chàm, cù lao Ré cũng thể hiện hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo. Người Việt đến các cù lao, sống cùng với cư dân bản địa là người Chăm. Chính họ là chủ nhân của các công trình kiến trúc tâm linh như đình, chùa, miếu hay các nhà thờ, lăng tẩm của tộc họ đang được lưu giữ ở các đảo kể trên. Đảo có người Việt sinh sống, làm ăn, định cư lâu dài chính là quá trình xác lập chủ quyền của người Việt trên đảo. Đồng thời, tại các đảo còn có lực lượng tàu ty của nhà nước để kiểm soát tàu thuyền đi đến; người trên đảo (Lý Sơn) tham gia chủ yếu nguồn nhân lực cho đội Hoàng Sa - đội dân binh do chúa Nguyễn thiết lập để thực hiện việc tuần tra biển đảo.

2.3. Hoạt động chống ngoại xâm

Dinh Quảng Nam có lực lượng quân sự hùng mạnh trấn thủ. *Phủ biên tạp lục* nói: “*Số binh Thuận Quảng thì xứ Quảng Nam chiếm quá nửa*” [2, tr.302]. Trong đó, lực lượng thủy quân của chúa Nguyễn đóng tại dinh trấn Thanh Chiêm là lực lượng mạnh, đứng thứ hai chỉ sau chính dinh. Thủy quân dinh Chiêm đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình khi chiến thắng các tàu buôn nước ngoài có ý khiêu khích, xâm phạm lãnh hải Đàng Trong cũng như phối hợp với quân chính dinh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Thanh Chiêm được đặt làm căn cứ thủy quân lớn bởi đây là vùng cửa khẩu trọng yếu,

lượng thương thuyền nước ngoài thường ra vào cảng thị Hội An và các cảng nhỏ ở vùng lân cận nhiều nhất trong toàn xứ Đàng Trong. Các chúa Nguyễn là những người nhìn xa trông rộng nên việc liệu trước chuyện đối phó với các tàu chiến nước ngoài là điều có thể xảy ra, bởi hải phận Đàng Trong, nhất là từ vùng Đà Nẵng trở vào là vùng quan yếu về phương diện quốc phòng. Đó là chưa kể việc thủy quân Thanh Chiêm, trong chừng mực, còn phải đối ứng với những hoạt động xâm lấn, quấy nhiễu của các thế lực đối địch ở hai phía Nam - Bắc. Chúa Nguyễn đã chuẩn bị tốt cho việc đương đầu với các thế lực trên biển bằng việc xây dựng sức mạnh của thủy quân. Sự thật đã chứng minh tầm nhìn của chúa qua nhiều lần đánh thắng tàu chiến người Hà Lan - đang được mệnh danh là đội tàu chiến mạnh nhất vùng biển thế giới bấy giờ.

Sự kiện liên quan trận đánh giữa Hà Lan và Đàng Trong trong hai năm 1642 có nhiều sách sử ghi chép nhưng nội dung không giống nhau. *Dinh trấn Thanh Chiêm – Kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong* của Châu Yên Loan ghi lại: Để trả thù việc chúa Thượng không trao trả 82 con tin bị bắt trong vụ đắm tàu năm 1641, “ông ta (Van Liesvelt) liền đem 5 chiến thuyền chở 70 binh sĩ và 150 thủy thủ bất ngờ tấn công Hội An hòng chiếm lấy cảng thị này nhưng bị thủy quân của ta từ căn cứ Văn Đông (của dinh Chiêm), dưới sự chỉ huy của Nguyễn Phúc Tần, đánh trả quyết liệt, giết chết Van Liesvelt cùng 12 binh sĩ Hà Lan. Thuyền Hà Lan phải tháo lui và sát hại 20 dân thường của ta mà trước đó họ bắt làm con tin. Thế tử Nguyễn Phúc Tần liền ra lệnh xử tử tất cả bọn hải tặc đã bị bắt giam trước đây” [4, tr.180]. Cũng sự kiện này Li Tana lại viết rằng: “Tháng 5 năm 1642, người Hà Lan gửi một đoàn tàu gồm 5 chiếc với 125 lính thủy và 70 binh sĩ. Viên chỉ huy, Jan van Linga, nhận được chỉ thị từ Batavia là phải bắt cho được nhiều người Quinam ở dọc bờ biển rồi sau đó gửi một tời hậu thư cho nhà vua dọa là sẽ giết một nửa số người bị bắt và số còn lại sẽ bị giải ra Đàng Ngoài nếu những yêu cầu của Hà Lan không được đáp ứng trong vòng 48 tiếng. Kế đó, họ được lệnh kéo lên phía bắc tới ranh giới Đàng Ngoài để chờ lực lượng của họ Trịnh (mặc dù không mấy người tin là họ sẽ thực sự tới). Ngày 31-5-1642, người Hà Lan tiến vào vịnh Cambir (Quy Nhơn), đốt 400 hay 500 căn nhà cùng với các kho gạo và bắt 38 người. Có thể ở thời điểm này, họ quyết định dùng vũ lực để giải cứu những người Hà Lan bị giữ ở Hội An mà không chờ viên toàn

quyền cho phép. Họ tiếp tục bắt giữ những người sống ở bờ biển nhưng số người bị bắt xem ra không nhiều. Trong vòng 10 ngày, họ chỉ bắt thêm được 11 người. Để có thể bắt thêm nhiều người nữa, Jacob van Liesvelt đề nghị tới đảo Campelo, bề ngoài làm ra vẻ thân thiện và dụ người Đàng Trong họ gặp lên một trong số các tàu để bắt giữ họ. Hoặc vì người dân ở Quy Nhơn đã báo cáo về các hành động của người Hà Lan hoặc vì các thám thính viên của Đàng Trong đã nắm được các tin tức nên khi người Hà Lan đến, họ đã thấy là “chính quyền Quinam đã đặt các vùng bờ biển trong tư thế phòng thủ”. Khi Van Liesvelt lên bờ cùng với 150 người, ông đã bị tấn công và bị giết chết cùng với 10 người của ông... Ngày 16-6, người Hà Lan đã giết 20 con tin người Đàng Trong tại Turan, đoạn bờ ra Đàng Ngoài” [10, tr.263-264]. Theo Li Tana, sự kiện năm 1642 này, quân Trịnh ở Đàng Ngoài đã bội tín với người Hà Lan khi không gửi quân tiếp ứng tấn công Đàng Trong. Dù mốc thời gian và số liệu thực tế có chênh nhau, nhưng chúng ta có thể khẳng định trong năm 1642, người Hà Lan đã cho thuyền chiến tấn công Đàng Trong, cụ thể ở địa phận dinh Quảng Nam và đã bị lực lượng thủy quân của Quảng Nam dưới sự chỉ huy của Thế tử Nguyễn Phúc Tần đánh bại. Đây là chiến thắng thứ hai của Đàng Trong trước giặc bên ngoài². Điều này chứng tỏ sức mạnh của thủy quân dinh Quảng Nam cũng như quyết tâm bảo vệ lãnh hải Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền về thương mại và tự tôn dân tộc của chúa Nguyễn.

Trong tác phẩm *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm* có ghi thêm một sự kiện vào năm 1643 rằng: “Ngày 10-2-1643, các đơn vị tuần biển đã phát hiện được ba tàu chiến Hà Lan đang mất liên lạc với quân Trịnh ở ngoài khơi cửa Eo, kịp thời báo cho Nguyễn Phúc Tần đem hơn

²Lần thứ nhất là sự kiện Nguyễn Phúc Nguyên đánh hải tặc Hiền Quý.

50 thuyền chiến từ bờ ra đánh đuổi tan nát” [13, tr.262]. Tuy sự kiện này không được nêu chi tiết nhưng chúng ta có thể hình dung được sự liên kết giữa chúa Trịnh và quân Hà Lan trong âm mưu tấn công Đàng Ngoài vẫn còn được tiếp diễn, mặc dù chúa Trịnh đã bội tín với Hà Lan trong năm 1642. Và một lần nữa, quân Hà Lan lại không địch được sức mạnh của thủy quân dinh Quảng

Nam khi Nguyễn Phúc Tần (bấy giờ là trấn thủ dinh Quảng Nam) mang 50 chiến thuyền ra đánh đuổi.

Để phục thù sau trận thua năm 1642, “tháng 1-1643, người Hà Lan gửi một đoàn tàu mới gồm 5 chiếc tới Đàng Ngoài. Do Johannes Lamotius chỉ huy, để phối hợp tấn công Đàng Trong, nhưng họ thấy là quân đội Đàng Ngoài chưa sẵn sàng. Tháng 6-1643, người Hà Lan đã kiên nhẫn gửi thêm một đoàn tàu khác gồm 3 chiếc, dưới quyền chỉ huy của Pieter Baeck. Họ cũng nhận được chỉ thị là phải bắt càng nhiều càng tốt người Đàng Trong khi họ tới ven biển. Tuy nhiên, khi cách sông Giang khoảng 5 dặm về phía Nam, họ đã bất ngờ nhìn thấy 50 chiến thuyền của họ Nguyễn đang tiến về phía họ. Theo Lê Thành Khôi, trận chiến hoàn toàn là một thảm họa. Tàu de Wijdenes (đồ đốc) bị phá hủy, Baeck bị giết, hai chiếc tàu khác phải vất vả lắm mới thoát được. Buch đưa ra một bản báo cáo chi tiết hơn, nói là de Wijdenes đã bốc cháy và nổ tung vì số thuốc súng dự trữ trên tàu, mọi người trên tàu, kể cả Baeck đều chết. Người Việt Nam thì lại giải thích là người Hà Lan đã mất tinh thần đến họ họ đã phải tự phá hủy de Wijdenes. Trong trận chiến, 7 chiến thuyền của Quinam đã bị phá hủy và 700 - 800 người Quinam bị giết, theo phía Hà Lan cho biết, nhưng Tiền biên (Đại Nam thực lục tiền biên) không nói tiếng nào về tổn thất của Quinam” [10, tr.265-266].

Cũng trận thủy chiến có tình tiết tương tự như trên, nhưng trong Đại Nam thực lục tiền biên lại ghi vào năm 1644, chép nội dung khá kỹ lưỡng: “Thế tử Dững Lễ hầu (tức là Phúc Tần), đánh phá giặc Ô Lan (tức Hà Lan) ở cửa Eo. Bấy giờ giặc Ô Lan đậu thuyền ngoài biển, cướp bóc lái buôn. Quân tuần biển báo tin. Chúa đương bàn kế đánh dẹp. Thế tử tức thì mật báo với Chương cơ Tôn Thất Trung, ước đưa thủy quân ra đánh, Trung lấy cơ chưa nắm mệnh, ngần ngại chưa quyết. Thế tử đốc suất chiến thuyền của mình tiến thẳng ra. Trung bắt đấng dĩ cũng đốc suất binh thuyền theo đi, đến cửa biển thì thuyền Thế tử đã ra ngoài khơi. Trung lấy cớ vẫy lại, nhưng Thế tử không quay lại. Trung bèn giục binh thuyền tiến theo. Chiếc thuyền trước sau lướt nhanh như bay. Giặc trông thấy cả sợ, nhằm thẳng phía Đông mà chạy, bỏ rơi lại một chiếc thuyền lớn. Thế tử đốc quân vây bắt. Tướng giặc thế cùng phóng lửa tự đốt chết. Thế tử bèn thu quân về” [5, tr.55-56]. Như vậy, thủy quân dinh Quảng Nam dưới sự chỉ huy của Thế tử Nguyễn Phúc Tần đã nhiều lần chiến thắng chiến thuyền của Hà Lan.

Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm cũng nêu thêm sự kiện tháng 8 năm 1644, tàu Hà Lan do thuyền trưởng Flavoor chỉ huy, được lệnh của Batavia đánh phá bờ biển Đàng Trong cũng lại bị quân tuần phòng Nguyễn đánh phải bỏ chạy. Hay như Lê Quý Đôn trong Phủ biên tạp lục cũng ghi có một trận đánh tàu Hà Lan tháng 5-1643 và số tàu Hà Lan là 10 chiếc. Như vậy rõ ràng, giữa Đàng Trong và Hà Lan đã nhiều lần đụng độ hải chiến với nhau chứ không riêng gì 2 trận. Và những lần ấy người Hà Lan đều thua đau trước sự dũng mãnh của chiến thuyền Đàng Trong; hay chính xác hơn, chủ yếu là chiến thuyền của dinh Quảng Nam, do trấn thủ là Thế tử Nguyễn Phúc Tần chỉ huy.

Những trận thủy chiến thắng lợi này của Đàng Trong cũng đã được Li Tana nhận xét: “Những người Hà Lan sống sót đã chỉ trích nặng nề viên chỉ huy của họ là đã không lường trước được cuộc tấn công của kẻ địch. Trong cả hai trận chiến, các cuộc tấn công bất ngờ của họ Nguyễn đã đặt người Hà Lan vào thế thủ ngay từ giây phút đầu. Theo Tiền biên, họ Nguyễn đã chuẩn bị kỹ lưỡng vì đã nhận được báo cáo từ một đội đặc biệt gọi là tuần hải, thêm vào là các trạm gác dọc bờ biển...” [10, tr.266]. Nhận xét của Li Tana đã cho thấy sự tổ chức chặt chẽ, sự điều binh thần tốc, sự tuần phòng nghiêm ngặt của thủy quân Đàng Trong đã khiến kẻ địch phải thất bại dù họ là quốc gia có lực lượng hải quân hùng mạnh. Điều đáng nói là giáo sĩ Alexandre de Rhodes đã sớm “phổ biến” thất bại cay đắng này của người Hà Lan đến phương Tây qua tác phẩm Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài từ 1627 - 1646 được in và xuất bản ở Lyon năm 1651.

Những chiến thắng trên đây đã thể hiện ý chí quyết tâm bảo vệ vùng biển, đảo, bảo vệ chủ quyền dân tộc của chúa Nguyễn ở xứ Đàng Trong. Việc thực thi chủ quyền trước thế lực ngoại bang được tiến hành rất tốt với lực lượng thủy quân tinh nhuệ và lòng quyết tâm của chúa Nguyễn, quan trấn thủ dinh cũng như lực lượng binh sĩ và tuần hải, thám báo. Tất cả điều đó đã khiến quân Trịnh, mặc dù số lượng thuyền chiến nhiều hơn Đàng Trong nhưng không dám vọng động tấn công và khiến các thuyền buôn nước ngoài khi đến giao thương với Đàng Trong đều tự ý thức rằng: phải luôn tôn trọng pháp luật của chính quyền, tôn trọng chủ quyền của Đàng Trong để không gặp thảm bại như Hà Lan.

3. Kết luận

Hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo ở dinh Quảng Nam được tiến hành toàn diện ở các lĩnh vực kinh tế, quân sự, chính trị, ngoại giao. Nổi bật nhất là những chiến công lừng lẫy chống sự xâm phạm của thuyền nước ngoài đến lãnh hải Đàng Trong. Có thể khẳng định, bên cạnh sự chú trọng đầu tư của chính quyền chúa Nguyễn vào công cuộc thực thi quyền chủ quyền ở các mặt khai thác nguồn lợi kinh tế; tuần tra, kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn trên vùng biển đảo; xây dựng lực lượng quân thủy hùng mạnh với trang bị đầy đủ hỏa lực trên các chiến thuyền đủ sức đánh bại quân Hà Lan; tài năng quân sự của các thế tử... thì yếu tố nhân dân trong hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo thời chúa Nguyễn là một sức mạnh to lớn. Lịch sử đã chứng minh chỉ nơi nào, khi nào có sự sinh sống và làm chủ của người Việt lâu dài, tổ chức các hoạt động thực thi quyền chủ quyền của con người trên vùng đất, vùng biển ấy thì chủ quyền chính thức được xác lập. Chủ quyền biển đảo của Việt Nam thời này vươn đến tận Hoàng Sa Trường Sa bên cạnh sự nhạy bén thức thời của chúa Nguyễn, còn phải kể đến sự tích cực tham gia và cùng chung tay của nhân dân các vùng ven biển. Họ chính là tai mắt của nhà nước, vừa khai thác biển đảo để thực thi quyền chủ quyền trong kinh tế, vừa bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ biển đảo trong an ninh quốc phòng. Tận dụng và phát huy thế mạnh của nhân dân là một bài học quý báu của lịch sử mà ông cha ta đã vận dụng khéo léo, linh hoạt trong sự nghiệp xây dựng, mở mang bờ cõi và bảo vệ chủ quyền. Bài học này, trong thời điểm tranh chấp chủ quyền trên biển Đông hiện nay trở nên quý báu hơn bao giờ hết.

Tài liệu tham khảo

- [1] Borri (C) (1998). *Xứ Đàng Trong năm 1621*. Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch,

NXB Tp.HCM.

- [2] Lê Quý Đôn (2007). *Phủ biên tạp lục*. Bản dịch của Viện Sử học, NXB Văn hóa Thông tin.
- [3] Phan Khoang (2001). *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 - 1777 (Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam)*. NXB Văn học.
- [4] Châu Yến Loan (2015). *Dinh trấn Thanh Chiêm kinh đô thứ hai xứ Đàng Trong*. NXB Đà Nẵng.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (2007). *Đại Nam thực lục*. Tập 1, bản dịch của Viện Sử học, tái bản lần thứ nhất, NXB Giáo dục.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (2014). *Đại Nam liệt truyện*. Tập 1, 2, Viện sử học Việt Nam, NXB Thuận Hóa.
- [7] Thích Đại Sán (2016). *Hải Ngoại ký sự*. Hải Tiên Nguyễn Duy Bột và Nguyễn Phương dịch (1963), Nguyễn Thanh Tùng hiệu chú, giới thiệu (2015), NXB ĐHSP.
- [8] Trần Đức Anh Sơn (chủ biên) (2014). *Tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa*. NXB Văn hóa - Văn nghệ, Tp. HCM.
- [9] Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam (2001). Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng. *Kỷ yếu Hội thảo - 2001*.
- [10] Li Tana (1999). *Xứ Đàng Trong: Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII*. Nguyễn Nghị dịch, NXB Trẻ, Tp. HCM.
- [11] Bùi Thị Tân (2016). Khai thác và bảo vệ chủ quyền biển đảo dưới thời chúa Nguyễn, Chủ quyền biển đảo Việt Nam trong lịch sử. *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học*, Thừa Thiên Huế.
- [12] Ủy ban Nhân dân thị xã Hội An, Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích (2007). *Kỷ yếu Cù Lao Chàm Vĩ thế - Tiềm năng và Triển vọng*. Hội An.
- [13] Nguyễn Việt, Vũ Minh Giang, Nguyễn Mạnh Hùng (1983). *Quân thủy trong lịch sử chống ngoại xâm*. NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

ACTIVITIES TO PROTECT SOVEREIGNTY OVER THE SEA AND ISLANDS IN QUANG NAM UNDER THE NGUYEN DYNASTY (1602 - 1775)

Abstract: The exercise of sovereignty rights over the sea and islands is always a vital issue for every nation that borders the sea. As for Vietnam, a country which stretches along a coastline of more than 3260 km with a series of offshore islands and archipelagos, the establishment and enforcement of its sovereignty has always been a top priority of the governments throughout historical periods. The process of establishing and implementing activities to protect sea and island sovereignty in the South Central Coast of Viet Nam (i.e. the Quang Nam sea area) in the monarchy period was undertaken earliest under the Nguyen dynasty via a range of activities in economic exploitation, control of arrival and departure of ships, rescue and resistance to foreign invaders. Through these activities of the Nguyen government and the people of Cochinchina, Vietnam's sovereignty over the Spratly and Paracel Islands was established during the Nguyen dynasty (1602 - 1775).

Key words: Nguyen lords; sovereignty; islands; Paracel Islands; Spratly Islands.